

Số: 301/2020/QĐST-HNGĐ

H, ngày 15 tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 251/2020/TLST/HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị A, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn Q, xã S, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Trương Văn M, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn Q, xã S, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng N, Chi nhánh huyện H, Bắc Thanh Hóa.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thành Tr – Phó Giám đốc Chi nhánh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 37,51,55,57,58,60,81,82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24; Khoản 7 Điều 26, điểm a,e khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 9 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 9 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Trịnh Thị A, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn Q, xã S, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Anh Trương Văn M, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn Q, xã S, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- **Về con chung:** Công nhận cháu Trương Mạnh D, sinh ngày 28/10/2009 là con chung của chị Trịnh Thị A và anh Trương Văn M.

Chị A và anh M thống nhất: Chị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trương Mạnh D. Anh M không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị A

Anh M có quyền, nghĩa vụ qua lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- **Về tài sản:** Chị Trịnh Thị A và anh Trương Văn M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về công nợ:** Công nhận chị A và anh M có vay nợ chung Ngân hàng N, Chi nhánh huyện H, Bắc Thanh Hóa số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

Các đương sự thống nhất: Anh M, chị A mỗi người phải trả cho Ngân hàng 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) và tiền lãi phát sinh trên số nợ phải trả. Hạn cuối cùng trả nợ là ngày 14/9/2020. Ghi nhận việc chị A, anh M đã trả xong nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam vào ngày 14/9/2020.

- **Về án phí:** Chị Trịnh Thị A tự nguyện chịu 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, và phải chịu 1.250.000đ (*Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí giải quyết công nợ chung vợ chồng khi ly hôn, tổng số tiền án phí chị A phải nộp là 1.400.000đ (*Một triệu bốn trăm nghìn đồng*) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị A đã nộp là 1.550.000đ (*Một triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu số AA/2019/0010014 ngày 22/7/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, trả lại cho chị A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*). Anh Trương Văn M phải nộp 1.250.000đ (*Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí giải quyết công nợ chung vợ chồng khi ly hôn.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- TAND tỉnh Thanh Hóa.
- UBND xã S;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Ngọc Vân